

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1
- CÔNG TY CP

Số: 13 /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin định kỳ
trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 0243.8350930

Fax: 0243.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 0243.8350933

Fax: 0243.7721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố gồm:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

- Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính bán niên năm 2017 của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Có chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cổ đông lớn;
- HĐQT TCT;
- BKS TCT;
- Ban TGD;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Đinh Văn Thanh

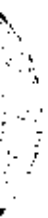
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Hà Nội - Tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 51



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mạ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 06 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động với hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Tổng Công ty cổ phần mã số 000104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 06 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty là: 700.000.000.000đ (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn) chia thành 70.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong 6 tháng đầu năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28/04/2017	
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch Hội đồng quản trị		13/01/2017
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Ông Đinh Văn Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Huy Khôi	Thành viên Hội đồng quản trị	28/04/2017	
Ông Đào Việt Tiến	Thành viên Hội đồng quản trị		
Ban kiểm soát			
Ông Võ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát	28/04/2017	
Ông Đặng Mạnh Thuận	Thành viên	28/04/2017	
Bà Nguyễn Thị Thương	Thành viên	28/04/2017	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc		
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đinh Ngọc Dân	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc		07/06/2017
Ban Tài chính			
Ông Võ Thành Công	Kế toán trưởng		04/05/2017
Ông Lê Văn Long	Kế toán trưởng	04/05/2017	25/09/2017
Ông Nguyễn Văn Trung ⁽¹⁾	Kế toán trưởng	25/09/2017	

⁽¹⁾ Quyết định số 0310/QĐ-HĐQT ngày 25/09/2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Trung giữ chức vụ Kế toán trưởng của Tổng Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Tổng Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty



Đình Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017



Vertical text on the right edge of the page, likely a page number or sequence marker.

Số 768/2017/BCSX-BCYC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I - Công ty CP**Kính gửi:** Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày ngày 22 tháng 12 năm 2017, từ trang 7 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Do các Công ty liên kết của Tổng Công ty không thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2017 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận kết quả lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017, dẫn đến chỉ tiêu "Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh" được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang thể hiện số dư tại ngày 31/12/2016.



11-11-11

Tại thời điểm ngày 17/04/2017, Tổng Công ty thực hiện thoái 31% tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Cầu 12, tỷ lệ nắm giữ còn lại là 19,6% dẫn đến thay đổi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cầu 12 từ đầu tư vào Công ty con trở thành khoản đầu tư khác. Đồng thời Tổng Công ty không thể thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm thoái vốn nên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017 của Tổng Công ty chỉ được hợp nhất số phát sinh trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cầu 12 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017. Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cầu 12 được loại trừ khi xác định Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017.

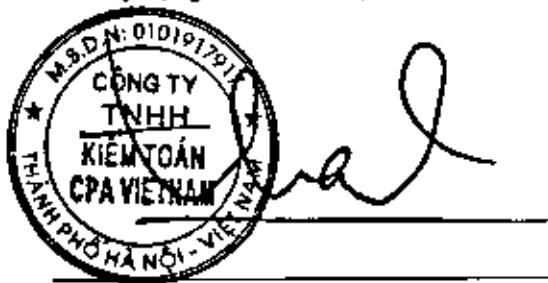
Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Thông tin so sánh tại ngày 01/01/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất kế: thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA, Báo cáo kiểm toán độc lập số 268/2017/UHY/ACA-BCKT phát hành ngày 12/04/2017 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc Kiểm toán viên không thể thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết đối với Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của các công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 chưa được soát xét trước khi hợp nhất.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2015-137-1

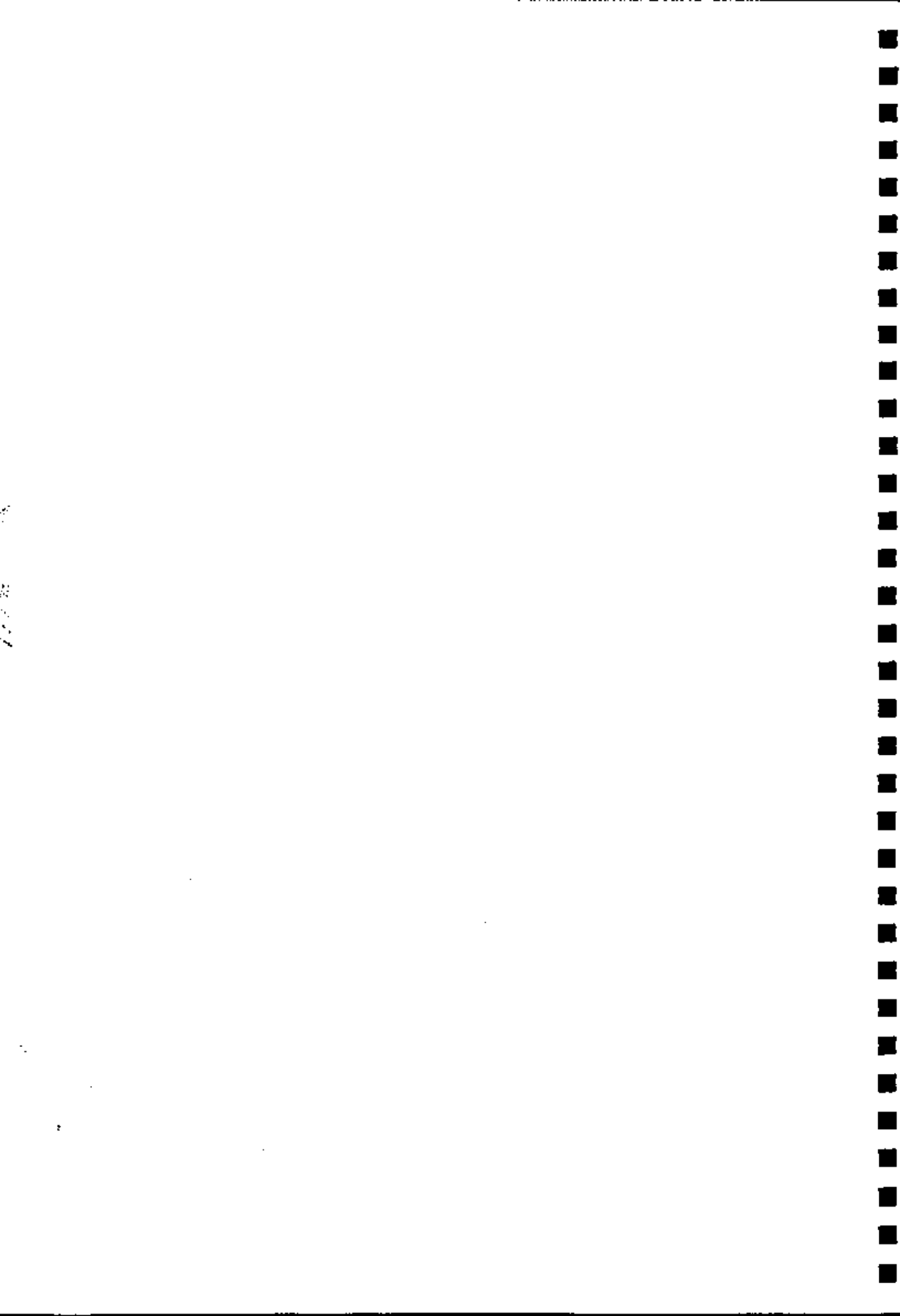
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.480.328.764.765	3.814.292.911.214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	344.531.378.760	325.685.433.561
1. Tiền	111		219.564.254.157	275.463.544.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		124.967.124.603	50.221.889.257
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.231.000.000	16.205.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.231.000.000	16.205.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.263.982.208.702	2.501.524.909.424
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	1.262.308.508.532	1.631.369.096.306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		514.134.340.064	280.881.787.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.03	259.000.000.000	247.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	264.321.154.389	404.127.757.739
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.05	(35.781.794.285)	(61.853.732.131)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		827.385.719.902	946.612.742.698
1. Hàng tồn kho	141	5.06	828.184.482.641	947.411.505.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.06	(798.762.739)	(798.762.739)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.198.457.401	24.264.825.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	3.562.700.870	3.220.062.232
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.577.461.344	5.136.820.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	18.058.295.187	15.907.942.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		601.377.838.183	678.520.364.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.782.452.014	6.282.452.014
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.02	104.687.000	104.687.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	19.677.765.014	6.177.765.014
II. Tài sản cố định	220		104.931.671.360	169.382.257.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	93.194.716.992	156.136.132.498
- Nguyên giá	222		394.166.972.460	579.995.438.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(300.972.255.468)	(423.859.305.799)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	11.736.954.368	13.246.124.602
- Nguyên giá	228		13.183.548.462	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.446.594.094)	(2.222.265.366)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.316.874	683.865.765
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.316.874	683.865.765
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		431.154.090.419	419.978.715.323
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	161.200.229.492	161.200.229.492
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	269.953.860.927	258.778.485.831
V. Tài sản dài hạn khác	260		45.266.307.516	82.193.073.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	45.266.307.516	76.046.597.304
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.129.677.279
3. Lợi thế thương mại	269		-	3.016.799.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.081.706.602.948	4.492.813.275.278



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	NIS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		3.341.437.538.228	3.672.028.757.049
I- Nợ ngắn hạn	310		3.234.305.978.681	3.526.667.897.527
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.495.365.472.101	1.701.862.952.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		780.071.771.051	580.101.419.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	172.487.318.192	191.399.821.168
4. Phải trả người lao động	314		36.541.680.020	75.672.012.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	120.435.674.529	80.996.443.649
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		782.479.428	16.267.271.825
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	288.725.326.003	368.336.366.452
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	333.452.827.339	504.717.047.340
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	607.853.636	1.446.267.160
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.835.576.382	5.868.294.559
II- Nợ dài hạn	330		107.131.559.547	145.360.859.522
1. Phải trả người bán dài hạn	331		3.213.668.701	3.213.668.701
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	14.371.474.425	15.535.296.183
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	81.021.400.710	108.028.207.854
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	8.525.015.711	18.583.686.784
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	740.269.064.720	820.784.518.229
I- Vốn chủ sở hữu	410		740.269.064.720	820.784.518.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	100.519.210
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.928.887.793	22.693.323.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	2.497.187.585
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.341.151.632	43.091.407.023
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		6.342.509.084	(6.605.777.248)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.998.642.548	49.697.184.271
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.898.506.085	52.402.081.151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.081.706.602.948	4.492.813.275.278

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Người Giám đốc



Đinh Văn Thanh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	984.726.135.035	1.461.328.878.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		984.726.135.035	1.461.328.878.719
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	924.712.325.825	1.401.609.960.624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.013.809.210	59.718.918.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	14.180.353.338	91.326.791.109
7. Chi phí tài chính	22	6.04	5.054.732.490	25.420.269.552
Trong đó: - Chi phí lãi vay	23		22.039.812.942	23.248.411.571
- Hoàn nhập chi phí hoạt động tài chính dự phòng			(17.248.209.000)	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	61.594.641.283	93.581.050.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.544.788.775	32.044.389.613
11. Thu nhập khác	31	6.06	10.002.428.962	7.476.526.889
12. Chi phí khác	32	6.06	7.631.500.420	8.101.355.000
13. Lợi nhuận khác	40	6.06	2.370.928.542	(624.828.111)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.915.717.317	31.419.561.502
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.296.556.016	7.348.225.620
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(235.107.153)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.619.161.301	24.306.443.035
18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	61		5.998.642.548	22.402.727.168
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		620.518.753	1.903.715.867
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	86	305

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đình Văn Thanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.915.717.317	31.419.561.502
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.578.599.204	19.765.711.425
- Các khoản đ.ư phòng	03	(36.959.022.445)	(16.687.344.124)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(23.006.426)	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.784.788.055)	(25.761.604.811)
- Chi phí lãi vay	06	22.039.812.942	23.248.411.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(15.242.687.463)	31.984.735.563
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(337.518.573.842)	170.194.917.319
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(108.177.702.261)	(53.977.427.294)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	484.999.956.051	(137.283.978.249)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	345.574.771	17.887.437.334
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.757.069.618)	(16.793.268.410)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(7.125.663.986)	(23.044.718.500)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	3.129.677.279	840.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(619.635.407)	(3.557.221.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.875.524	(13.749.523.278)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.511.925.150)	(5.952.184.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	78.705.000	1.636.405.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(40.251.000.000)	(5.080.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	32.100.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(11.228.026.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	(21.209.934.410)	51.272.593.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.099.997.004	4.058.422.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.784.157.556)	34.707.209.555

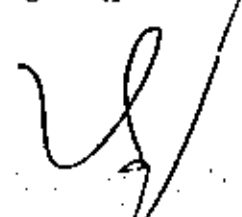
Vertical line of text on the right edge of the page, possibly a page number or margin indicator.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ đi vay	33	209.980.857.005	433.469.048.064
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(146.799.516.200)	(316.533.830.420)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.608.120.000)	(40.993.844.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>47.573.220.805</i>	<i>75.941.372.844</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>18.822.938.713</i>	<i>96.899.059.121</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	325.685.433.561	311.945.632.907
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	23.006.426	215.798.818
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	344.531.378.760	409.060.490.846

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung



Đinh Văn Thanh

Ngày 22 tháng 12 năm 2017



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là:

CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NO1 - JSC

Tên viết tắt là: CIENCO1

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84. 24. 38350930/ 38350096

Fax: 84. 24. 37721232

E-mail: vanphongcienco1@gmail.com

Website: <http://cienco1.com/>

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2. Ông Đinh Văn Thanh - Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 06 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động với hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 000104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 06 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty là: 700.000.000.000đ (Bảy trăm tỷ đồng chẵn) chia thành 70.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

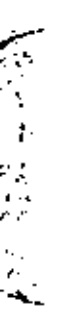


TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
10	Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Xây dựng dân dụng	44%	44%
11	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 ⁽²⁾	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	54,7%	54,7%
12	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Nam	Tư vấn thiết kế cầu đường	20%	20%
13	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	Xây dựng dân dụng	25%	25%
14	Công ty CP Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	33%	33%
15	Công ty CP Xi măng Mai Sơn	Đã thoái vốn		
III	Đơn vị phụ thuộc	Mô tả		
1	Công ty thi công cơ giới 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 509/TCCB - LĐ của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2001 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
2	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại Thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 605/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 04 tháng 12 năm 1999 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
3	Công ty Cung ứng lao động quốc tế và dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Thực hiện chuyển giao từ Chi nhánh sang Công ty TNHH tại Công ty TNHH cung ứng lao động Quốc tế và Dịch vụ Inmasco theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp đăng ký lần đầu số 0107712666 ngày 20/01/2017		
4	Chi nhánh Tây Nguyên - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 1084/QĐ-HĐTV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
5	Xí nghiệp Cầu 17 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0476/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 03 tháng 11 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
6	Xí nghiệp Cầu 13 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0418/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 30 tháng 09 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
7	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cienco 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0444/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 08 tháng 10 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

SFT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
I	Các Công ty con			
1	Công ty CP Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Xây dựng dân dụng	51%	51%
2	Công ty Cổ phần Cầu 12 (Đã thoái vốn từ ngày 17/4/2017 trở thành khoản đầu tư khác)	Xây dựng công trình cầu.		
3	Công ty TNHH Cung ứng Lao động Quốc tế và Dịch vụ - INMASCO (Chuyển đổi từ Đơn vị phụ thuộc sang Công ty con)	Cung ứng lao động	100%	100%
II	Các Công ty liên kết			
1	Công ty CP Xây dựng Công trình I	Xây dựng công trình cầu	49%	49%
2	Công ty CP Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	21%	21%
3	Công ty CP Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	25%	25%
4	Công ty CP Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Xây dựng đường bộ	48%	48%
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 125	Sản xuất vật liệu xây dựng	49%	49%
6	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Xây dựng đường bộ	48%	48%
7	Công ty CP Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Xây dựng công trình giao thông	45%	45%
8	Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	20%	20%
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	26%	26%

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
8	Tổng Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP			
		Được thành lập theo Quyết định số 0747/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 11 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		
9	Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP			
		Được thành lập theo Quyết định số 2059/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty		

⁽²⁾ Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 54,70%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Handwritten scribble or mark on the left margin.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty chưa bao gồm kết quả lãi/lỗ của khoản đầu tư khác tại Công ty Cổ phần Cầu 12 và số liệu của các Công ty liên kết mà Tổng Công ty kiểm soát do các Công ty liên kết này chưa lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Tại thời điểm ngày 17/04/2017, Tổng Công ty thực hiện thoái 31% tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Cầu 12, tỷ lệ nắm giữ còn lại là 19,6% dẫn đến thay đổi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cầu 12 từ đầu tư vào Công ty con trở thành khoản đầu tư khác. Đồng thời Tổng Công ty không thể thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm thoái vốn nên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017 của Tổng Công ty chỉ được hợp nhất số phát sinh trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cầu 12 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017. Do đó chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cầu 12 được loại trừ khi xác định Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017.

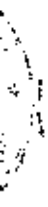
Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tại ngày 30/06/2017.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tại ngày 30/06/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2017	Ngân hàng SHB	22.700 VND/USD	22.770 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.



Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc đối chiếu nợ phải thu, theo dõi phân tích tuổi nợ để làm cơ sở ước tính giá trị cần trích lập dự phòng được Tổng Công ty thực hiện tại thời điểm cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là các khoản công nợ phải thu từ các công trình đang chờ quyết toán với Chủ đầu tư. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định không phải trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu của hoạt động xây lắp này và không thực hiện trích lập trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước bao gồm khoản phải trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định của kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian phải trả, nghĩa vụ nợ được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh trong từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 30/06/2017.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.



Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Tổng Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng Công ty.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

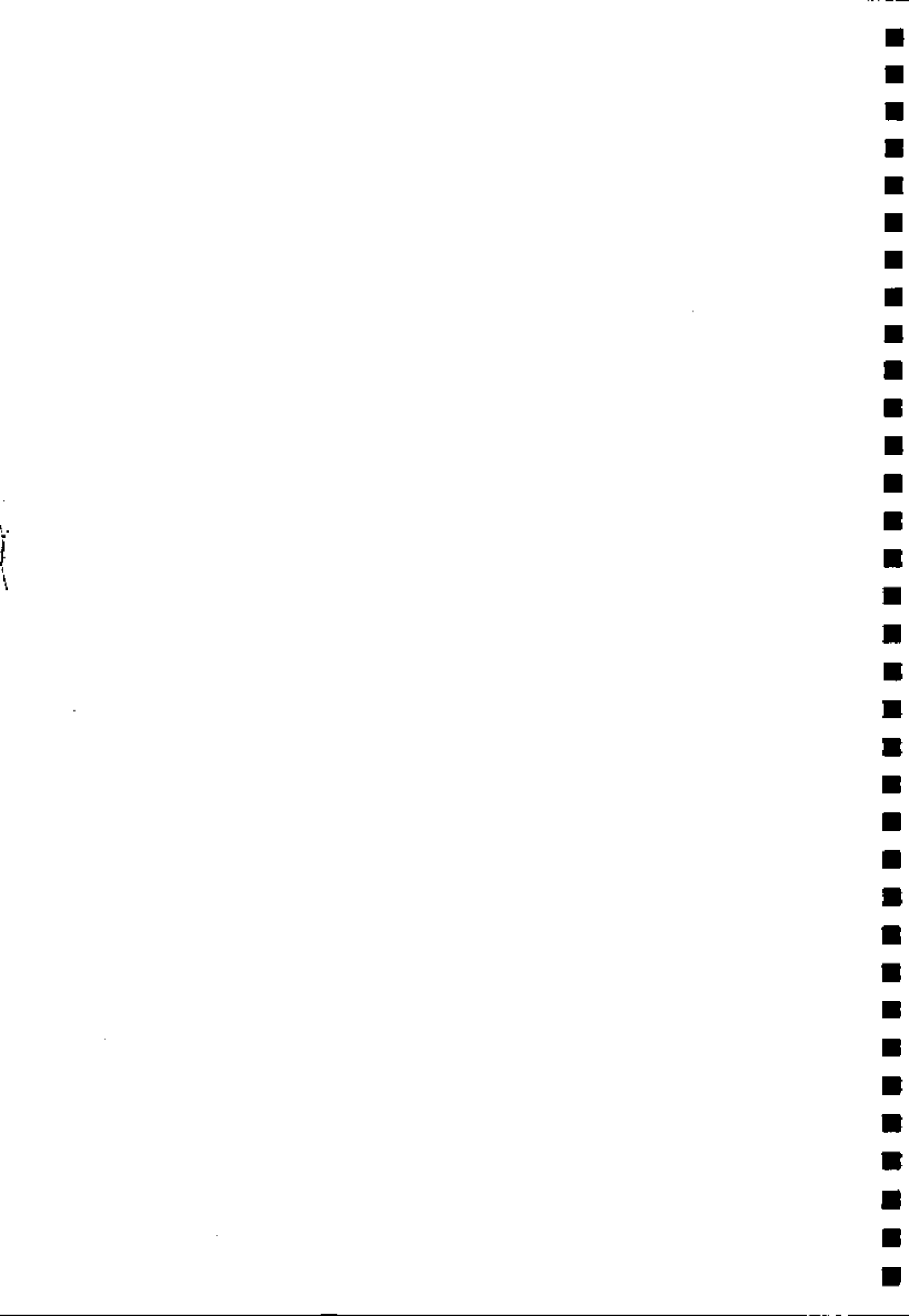
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản mục công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	63.510.566.807	16.047.059.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	156.053.687.350	259.416.484.897
Các khoản tương đương tiền	124.967.124.603	50.221.889.257
Cộng	344.531.378.760	325.685.433.561

5.02 Phải thu khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.262.308.508.532	1.631.369.096.306
Ban QLDA 2- Gói thầu PKIC - QL3	68.734.347.853	109.656.747.511
Ban QLDA đường Hồ Chí Minh - Cầu Hòa Trung	136.863.567.000	136.863.567.000
Ban QLDA đường nối TP Hạ Long với cầu Bạch Đằng	49.680.278.318	-
Hanshin E&C - Thầu chính Nhật Tân	31.781.777.407	-
Công ty Liên danh GS Hanshin	51.061.742.515	113.196.480.652
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.775.276.383	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	42.563.365.657	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 02	-	78.056.416.364
BQL Dự án xây dựng Giao thông Bắc Ninh - Cầu vượt Sông Đuống	-	34.309.309.001
Các khoản phải thu khách hàng khác	840.848.153.399	1.159.286.575.778
Dài hạn	104.687.000	104.687.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	104.687.000	104.687.000
Tổng	1.262.413.195.532	1.631.473.783.306

Để đảm bảo quản lý chặt chẽ rủi ro tín dụng trong quá trình thanh toán và thu hồi công nợ, Tổng Công ty sẽ thực hiện theo dõi phân tích tuổi nợ để làm cơ sở ước tính giá trị cần trích lập dự phòng cho phù hợp theo qui định hiện hành tại thời điểm cuối năm tài chính.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.03 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn (1)	76.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần An Hiến (2)	82.000.000.000	97.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Bình (3)	100.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác	1.000.000.000	-
Cộng	259.000.000.000	247.000.000.000

- (1) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn (Bộ Quốc Phòng) (phát sinh tại Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I - Công ty CP) cho để thực hiện thỏa thuận liên danh, tham dự gói thầu xây lắp XL-01 thuộc Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.
- (2) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần An Hiến (phát sinh tại Tổng Công ty) theo hợp đồng cho vay tháng 09 năm 2016. Theo đó, hạn mức cho vay tối đa 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các hợp đồng mà bên vay đang thực hiện và sẽ được thực hiện trong thời gian tới. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.
- (3) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Bình (phát sinh tại Tổng công ty) theo hợp đồng cho vay tháng 12 năm 2016. Theo đó, hạn mức cho vay tối đa 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các hợp đồng mà bên vay đang thực hiện và sẽ thực hiện trong thời gian tới. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.04 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	264.321.154.389	(2.859.422.800)	404.127.757.739	(4.302.050.162)
- Phải thu về cổ phần hóa	3.073.620.201	-	4.807.075.831	-
- Phải thu lãi tiền gửi tiền cho vay	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	14.224.563.121	-	12.674.837.847	-
- Phải thu tổ đội thi công và Ban điều hành	106.787.976.320	-	180.431.191.367	-
- Tạm ứng	25.704.598.199	-	-	-
- Kỳ cược, ký quỹ ngắn hạn	5.708.077.590	-	26.552.323.978	-
- Phải thu khác	108.822.318.958	(2.859.422.800)	179.662.328.716	(4.302.050.162)
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	8.298.604.188	-	8.298.604.188	-
+ Công ty TNHH Hải Brothers International	6.900.649.188	-	6.900.649.188	-
+ Lao động Macedonia	2.859.422.800	(2.859.422.800)	2.859.422.800	(2.859.422.800)
+ Phải thu tiền bảo hiểm	22.887.054	-	2.374.485.250	-
+ Điều chỉnh Khối lượng các đơn vị thi công hạng mục: đắp tràn AK	-	-	7.724.433.436	-
+ Điều chỉnh Khu phụ trợ cụm An Khê AK-KV	-	-	1.425.714.000	-
+ Công ty CP TM Nước giải khát Khánh An	-	-	8.920.000.000	-
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	-	-	1.982.371.119	-
+ Phải thu tạm ứng công trình, có nhận công ty đã nghỉ việc	-	-	9.837.550.259	-
+ Công ty CP Đầu tư Cái Mép	-	-	105.972.121.974	-
+ Công ty CP Tư vấn Đầu tư Dầu khí Sài Gòn	20.000.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	43.263.000.000	-	-	-
+ Các khoản khác	27.477.755.728	-	23.366.976.502	(1.442.627.362)
Dài hạn	19.677.765.014	-	6.177.765.014	-
- Kỳ cược, ký quỹ	6.177.765.014	-	6.177.765.014	-
- Phải thu Công ty CP BOT Bạch Đằng	13.500.000.000	-	-	-
Cộng	283.998.919.403	(2.859.422.800)	410.305.522.753	(4.302.050.162)



1987-1988

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.05 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi được
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán			
Công ty CP Xi măng Mai Sơn (TK 131 và 331)	14.808.588.245	(14.808.588.245)	-
Ban QLDA Giao thông trọng điểm - Dự án Cầu Bán Xá (TK 131)	4.056.854.350	(2.028.427.175)	2.028.427.175
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng số 1 TP Phú Lý - Dự án Cầu Châu Giang (TK 131)	12.915.789.003	(6.457.894.502)	6.457.894.502
Công ty Hợp danh Xây dựng nhà Quảng Nam Đà Nẵng + Ban QLDA cầu Sông Hàn (TK 131)	-	-	-
Công ty Xây dựng công trình Giao thông 116 - Ciencco 1 (TK 131)	2.038.834.830	(2.038.834.830)	-
Ban điều hành Cầu Khê Hối (TK 131)	-	-	-
Ban QLDA Liên doanh 18 (TK 131)	-	-	-
Các đối tượng khác (TK 131, 138 và 331)	10.448.049.532	(10.448.049.532)	-
Tổng cộng	44.268.115.960	(35.781.794.283)	8.486.321.677
			70.340.053.807
			(61.853.732.131)
			8.486.321.676

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 30/06/2017, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10
11
12
13
14



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.06 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.322.868.578	-	33.472.973.476	-
Công cụ, dụng cụ	250.927.280	-	1.149.295.008	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	801.896.056.351	(798.762.739)	912.458.142.265	(798.762.739)
Thành phẩm	-	-	331.094.688	-
Hàng hóa	2.714.630.432	-	-	-
Cộng	828.184.482.641	(798.762.739)	947.411.505.437	(798.762.739)

(*) Chi phí SXKD dở dang là giá trị khối lượng các công trình đơn vị đã và đang thực hiện thi công chưa được chủ đầu tư nghiệm thu.

5.07 Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.562.700.870	3.220.062.232
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	585.080.713	2.349.600.988
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.977.620.157	870.461.244
Dài hạn	45.266.307.516	76.046.597.304
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	41.033.418.887	67.721.057.172
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.232.888.629	8.325.540.132
Cộng	48.829.008.386	79.266.659.536



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÀU B 09 a -DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.08 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ	
					hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	135.085.373.546	357.967.723.181	77.106.478.332	7.602.507.323	2.233.355.915	579.995.438.297
Tăng trong kỳ	-	882.755.634	-	85.000.000	-	967.755.634
Mua trong kỳ	-	882.755.634	-	85.000.000	-	967.755.634
Giảm trong kỳ	9.284.791.764	161.465.640.872	12.858.502.457	2.996.786.577	190.499.801	186.796.221.471
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.479.680.784	-	-	3.479.680.784
Giảm do thoát vốn	9.284.791.764	161.465.640.872	9.378.821.673	2.996.786.577	190.499.801	183.316.540.687
Số dư tại 30/06/2017	125.800.581.782	197.384.837.943	64.247.975.875	4.690.720.746	2.042.856.114	394.166.972.460

GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2017	78.890.089.606	274.872.119.282	61.740.558.574	6.539.831.322	1.816.707.015	423.859.305.799
Tăng trong kỳ	2.269.908.749	5.487.247.700	2.427.005.499	149.480.238	109.618.595	10.443.260.781
Khấu hao trong kỳ	2.269.908.749	5.487.247.700	2.427.005.499	149.480.238	109.618.595	10.443.260.781
Giảm trong kỳ	6.898.545.922	113.680.052.074	10.234.361.421	2.366.115.843	151.235.852	133.330.311.112
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.479.680.784	-	-	3.479.680.784
Giảm do chia tách	-	-	2.445.322.761	130.265.722	-	2.575.588.483
Giảm do thoát vốn	6.898.545.922	113.680.052.074	4.309.357.876	2.255.850.121	151.235.852	127.275.041.845
Số dư tại 30/06/2017	74.261.452.433	166.679.314.908	53.933.202.652	4.323.195.717	1.775.089.758	300.972.255.468

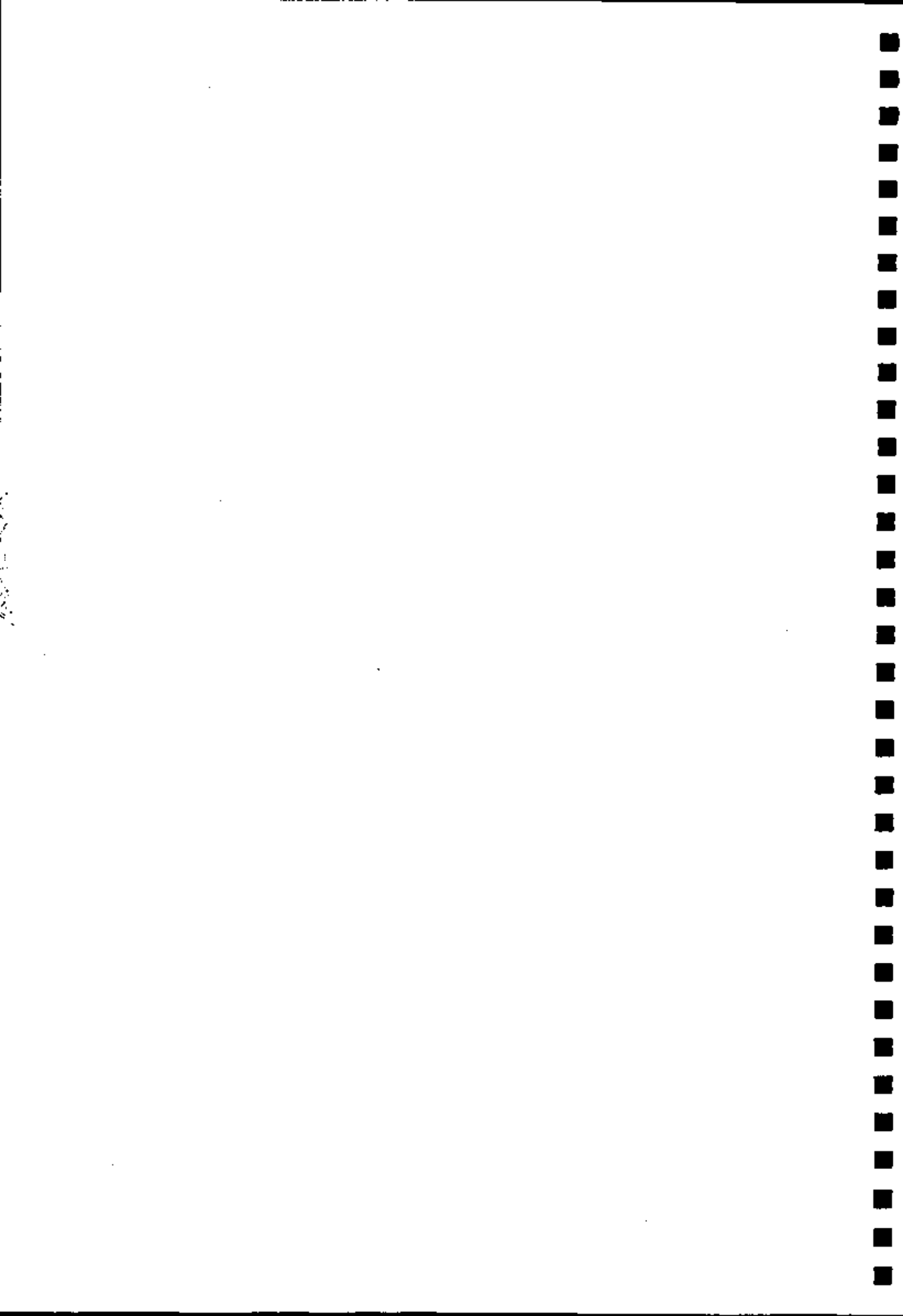
GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2017	56.195.283.940	83.095.603.899	15.365.919.758	1.062.676.001	416.648.900	156.136.132.498
Tại 30/06/2017	51.539.129.349	30.705.523.035	10.314.773.223	367.525.029	267.766.356	93.194.716.992

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.09 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
Giảm do thoái vốn	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
Số dư tại 30/06/2017	<u>13.113.548.462</u>	<u>70.000.000</u>	<u>13.183.548.462</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	1.464.011.366	758.254.000	2.222.265.366
Tăng trong kỳ	135.338.423	-	135.338.423
Khấu hao trong kỳ	135.338.423	-	135.338.423
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	222.755.695	688.254.000	911.009.695
Giảm do thoái vốn	222.755.695	688.254.000	911.009.695
Số dư tại 30/06/2017	<u>1.376.594.094</u>	<u>70.000.000</u>	<u>1.446.594.094</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	13.246.124.602	-	13.246.124.602
Tại 30/06/2017	<u>11.736.954.368</u>	-	<u>11.736.954.368</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/BN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.10 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Giá gốc khoản đầu tư	Tăng giảm do biến động tài sản thuần lũy kế	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
1	Công ty Cổ phần XD công trình 1	4.900.000.000	(4.900.000.000)	-
2	Cty CP PT Đầu tư và XD :15 - Cienco1	1.263.234.000	(518.314.022)	744.919.978
3	Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586.812.929	(586.812.929)	-
4	Công ty CPXD giao thông & TM 124	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-
5	Công ty Đầu tư và Xây dựng 125	1.715.000.000	(1.715.000.000)	-
6	Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6.214.309.449	(227.232.404)	5.987.077.045
7	Công ty CP XDCT15 - Cienco1	4.500.000.000	(4.500.000.000)	-
8	Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48.532.400.000	(18.454.945.168)	30.077.454.832
9	Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiến	49.490.000.000	(2.709.557.041)	46.690.442.959
10	Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2.350.000.000	(824.651.282)	1.525.348.718
11	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2.770.727.287	(469.724.232)	2.301.003.055
12	Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2.641.303.364	275.916.786	2.917.220.150
13	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	70.000.000.000	40.482.547	70.040.482.947
14	Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2.571.000.000	(1.654.720.192)	916.279.808
		204.644.787.029	(43.444.557.537)	161.200.229.492

10

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09*-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	269.953.860.927	-	-	258.778.485.831
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphnam	4.025.905.831	-	-	4.025.905.831
Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng (*)	85.500.000.000	-	-	85.500.000.000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (*)	148.172.580.000	-	-	148.172.580.000
Công ty cổ phần BH Thăng long	10.000.000	-	-	10.000.000
Công ty cổ phần GTVT VN	20.000.000	-	-	20.000.000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá (*)	21.050.000.000	-	-	21.050.000.000
Công ty CP cầu 12	11.175.375.096	-	-	-
Cộng	269.953.860.927	-	-	258.778.485.831

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2017 cần được trình bày theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, do các đơn vị nhận vốn đầu tư của Tổng Công ty chưa được miễn yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(*) Các khoản đầu tư vào các Công ty hoạt động theo hình thức BOT (Xây dựng - vận hành - chuyển giao) các công trình đường bộ của Tổng Công ty được đánh giá theo kế hoạch đầu tư, xây dựng và vận hành dựa trên giấy phép hoạt động tại các dự án giao thông mà các Công ty này tham gia đầu tư. Việc chuyển giao cho các đơn vị chủ quản sẽ được thực hiện sau thời gian cam kết trong giấy phép đầu tư dự án.

Handwritten scribbles or marks on the left margin.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.495.365.472.101	1.495.365.472.101	1.701.862.952.751	1.701.862.952.751
Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	49.434.268.587	49.434.268.587	13.131.265.352	13.131.265.352
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	6.216.945.000	6.216.945.000	15.864.897.337	15.864.897.337
Công ty Cổ phần Cầu 14	54.975.867.732	54.975.867.732	40.695.721.567	40.695.721.567
Công ty Cổ phần HASSYU Việt nam	56.852.565.642	56.852.565.642	12.802.588.286	12.802.588.286
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Giao thông Việt nam	20.776.440.043	20.776.440.043	42.285.916.764	42.285.916.764
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	17.139.954.982	17.139.954.982	49.568.118.998	49.568.118.998
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	5.263.851.626	5.263.851.626	18.915.803.595	18.915.803.595
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	9.388.147.730	9.388.147.730	28.676.732.260	28.676.732.260
Các khoản phải trả người bán khác	1.275.317.430.759	1.275.317.430.759	1.479.921.908.592	1.479.921.908.592
Cộng	1.495.365.472.101	1.495.365.472.101	1.701.862.952.751	1.701.862.952.751



100-100-100

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÃU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Giảm do thoái vốn	Đơn vị tính: VND
Phải nộp		21.707.419.657	22.579.579.587	18.040.343.046	172.487.318.192
Thuế Giá trị gia tăng	191.399.821.168	17.795.194.991	14.384.521.963	15.653.271.619	142.380.292.728
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.644.282.777	2.468.950.335	7.125.663.986	1.093.059.869	15.894.509.257
Thuế Thu nhập cá nhân	3.855.456.492	615.474.341	1.057.393.638	581.797.124	2.831.740.071
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	2.894.673.779	241.444.140	-	-	3.136.117.919
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.781.189.656	562.000.000	2.000.000	712.214.434	3.628.975.222
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	4.601.327.145	24.355.850	10.000.000	-	4.615.682.995
Phải thu		2.000.000	2.152.352.504	-	18.058.295.187
Thuế Giá trị gia tăng (*)	15.907.942.683	-	1.481.635.722	-	17.387.541.103
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	37.302	-	242.803.680	-	242.840.982
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	427.913.102	-	427.913.102
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	2.000.000	2.000.000	-	-	-
Cộng	175.491.878.485	21.705.419.657	20.427.227.083	18.040.343.046	154.429.023.005

(*) Thuế GTGT được hoàn của các dự án

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2017 của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền theo Luật quản lý thuế. Mọi số liệu điều chỉnh (nếu có) theo kết luận kiểm tra của cơ quan thuế và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ được điều chỉnh trong năm tài chính hiện hành tại thời điểm có kết luận kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước.

Vertical line of text on the right edge of the page, possibly a page number or margin indicator.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	58.104.192.647	54.674.867.345
Chi phí lãi vay phải trả	12.648.580	19.612.486.839
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.420.514.476	6.472.780.479
Nhận nợ tiền cái đã, vận chuyển đất đai	13.380.734.215	-
Chi phí trích trước các công trình	9.187.480.862	-
Chi phí phải trả khác	38.330.103.749	236.308.986
Cộng	120.435.674.529	80.996.443.649

5.15 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	288.725.326.003	368.336.366.452
Kinh phí công đoàn	1.660.251.632	2.619.987.684
Phải trả Cơ quan bảo hiểm	30.531.366.184	61.596.453.438
Phải trả về cổ phần hóa	-	29.165.000
Tài sản thừa chờ xử lý	21.269.269.270	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.264.438.917	304.090.760.330
- Phải trả về xây dựng khách sạn Sơn La (*)	63.573.292.156	63.835.416.156
- Phải trả cổ tức	35.097.177.700	15.705.297.700
- Lương phải trả thuyền viên biển xa	18.153.127.950	17.094.767.484
- Công ty CP Licogi 13	26.000.000.000	24.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.440.841.111	183.455.278.990
Dài hạn	14.371.474.425	15.535.296.183
Nhận ký, ký cược dài hạn	11.075.496.000	12.246.221.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.295.978.425	3.289.075.183
Cộng	303.096.800.428	383.871.662.635

(*) Phải trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La liên quan đến việc mua lại diện tích tăng hầm và 5 mặt sàn của dự án Khách sạn Sơn La theo Hợp đồng mua bán được ký kết giữa Tổng Công ty và ngân hàng ngày 13/04/2010. Đến thời điểm hiện tại, công trình này vẫn đang được Tổng Công ty thực hiện thi công.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09-u-DN/BN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017				01/01/2017			
	Giá trị Số có khả năng trả nợ	Giảm do thoái vốn	Tăng	Giảm	Giá trị Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	333.452.827.339	234.015.434.253	209.980.857.005	1.47.229.642.753	504.717.047.340			504.717.047.340
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (1)	9.849.584.694	-	8.114.732.232	11.732.137.003	13.466.989.465			13.466.989.465
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	53.908.806.154	67.601.410.118	41.856.767.424	22.101.185.516	101.754.634.364			101.754.634.364
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	43.192.408.600	92.921.476.097	25.351.446.600	28.876.438.000	139.638.876.097			139.638.876.097
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (4)	55.146.122.113	11.740.335.698	55.146.122.113	50.323.108.965	62.063.444.663			62.063.444.663
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	1.610.898.605	-	23.400.000.000	25.010.898.605			25.010.898.605
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (5)	44.509.912.910	60.141.313.735	44.509.912.910	-	60.141.313.735			60.141.313.735
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	20.169.751.249	-	20.169.751.249	-	-			-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam	-	-	-	3.910.900.200	-			-
- Vay cá nhân (11)	5.502.323.764	5.502.323.764	-	3.742.703.069	4.645.026.833			4.645.026.833
Vay dài hạn đến hạn trả	101.173.917.855	101.173.917.855	6.321.224.277	3.143.170.000	97.995.863.578			97.995.863.578
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (7)	2.347.560.000	2.347.560.000	-	1.173.780.000	2.347.560.000			2.347.560.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (8)	3.938.780.000	3.938.780.000	-	1.969.390.000	3.938.780.000			3.938.780.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9)	70.037.969.285	70.037.969.285	-	3.178.054.277	66.859.915.008			66.859.915.008
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (10)	24.849.608.570	24.849.608.570	-	-	24.849.608.570			24.849.608.570
Vay dài hạn	81.021.400.710	23.863.637.144	-	3.143.170.000	108.028.207.854			108.028.207.854
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (7)	1.173.780.000	-	-	1.173.780.000	2.347.560.000			2.347.560.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (8)	4.784.795.000	23.863.637.144	-	-	30.617.822.144			30.617.822.144
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9)	-	-	-	-	-			-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (10)	74.548.825.710	-	-	-	74.548.825.710			74.548.825.710
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	514.000.000	514.000.000	-	-	514.000.000			514.000.000
Tổng	414.474.228.049	257.879.071.397	209.980.857.005	150.372.812.753	612.745.255.194			612.745.255.194



Vay ngắn hạn

Các khoản vay của Tổng Công ty

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ký ngày 28/07/2016. Theo đó: Hạn mức tín dụng được cấp tối đa là 1.500.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 28/07/2016. Mục đích: Vay vốn phục vụ việc thi công các công trình theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Lãi suất: 8%/ năm, phương thức trả lãi: định kỳ 3 tháng 1 lần. Bảo lãnh tiền vay: một phần có đảm bảo bằng tài sản, 1 phần không có đảm bảo, hình thức đảm bảo: thế chấp tài sản, tổng giá trị tài sản thế chấp: 1.649.000.000 đồng, phạm vi đảm bảo: 824.500.000 đồng.
- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:
- Hợp đồng số 01/93409/2016/HĐTĐ ngày 31/08/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội. Hạn mức cho vay: 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay: 12 tháng kể từ ngày 31/08/2016. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các dự án được tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh bởi Ngân hàng và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng.
 - Hợp đồng số 01/2016/93409/HĐTĐHM ngày 12/09/2016. Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở Thư tín dụng (L/C). Thời hạn vay: từ ngày 12/09/2016 đến hết ngày 31/07/2017. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2016261511/HĐTĐIM ngày 28/01/2016 được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở Thư tín dụng (L/C). Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng 28/01/2016. Lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng kỳ.
- (3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 1379.14.1396960.TD ngày 24/9/2014 được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu CW3A - Dự án xây dựng cầu Vàm Cống. Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng là 320.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân.
- (4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng tín dụng:
- Hợp đồng số 651053/HDDHM2016 ngày 23/03/2016. Hạn mức cho vay: 300.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 23/03/2016. Mục đích vay: tài trợ cho các hoạt động xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
 - Hợp đồng tín dụng số 948735-2016/HĐHM/VPB-MCCI ngày 23/3/2016 được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu XL05: Xây dựng cầu Sông Chanh thuộc dự án: đường nối Hà Long với cầu Bạch Đằng. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất, áp dụng phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.



(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 135/2016/HĐTD/HTH/01 ngày 09/03/2017 hạn mức tối đa 700.000.000.000 đồng. Mục đích Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thi công xây dựng các công trình thi giao thông. Thời hạn 12 tháng.

(6) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng tín dụng số 672/2016-HĐTD/NICT124-CIENCO1 ngày 28/12/2016 hạn mức tối đa 251.000.000.000 đồng. Mục đích Bổ sung vốn lưu động thực hiện dự Hợp đồng 21/16/HĐ-TCXDCT/BOTCBĐ-CIENCO1 ngày 29/03/2016 giữa TCT và Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng. Thời hạn cho vay không quá 09 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

- (11) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay giao động từ 10%/năm đến 11%/năm.

Các khoản vay của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1

- (1) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3120-LAV 201600458 và 3120-LAV 201601874 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm, hạn mức tín dụng lần lượt là 8,5 tỷ đồng và 12,79 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017, thời hạn vay tùy thuộc thỏa thuận 2 bên nhưng không quá 12 tháng, được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0115/HĐTC ngày 19/11/2015 và hợp đồng số 0116/HĐTC ngày 16/11/2016.

- (11) Khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất phải trả từ 8% đến 11%/năm.

Vay dài hạnCác khoản vay của Tổng Công ty**(7) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng:**

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTDDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08/10/2013. Hạn mức cho vay: 3.033.000.000 đồng. Mục đích vay: mua 02 máy Lu rung Sakai theo hợp đồng kinh tế số 0637/VTV-CC.C1 ký ngày 01/07/2013 giữa Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 với Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 080113/SHB BT - CIENCO1 ngày 08/01/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTDDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14/11/2013. Hạn mức cho vay: 8.704.800.000 đồng. Mục đích vay: mua 06 máy lu rung model CA250D hãng DYNAPAC sản xuất theo hợp đồng kinh tế số 0812/HĐKT ngày 28/08/2013 cùng phụ lục hợp đồng ngày 29/08/2013 ký giữa Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại V - Long. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 06 máy lu rung một trống đầm nhãn hiệu DYNAPAC model CA250D do Ấn Độ sản xuất.

(8) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 597.14.057.877888.TD ngày 26/06/2014. Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

2025-01-15

- Hợp đồng số 808.14.057.877888.TD ngày 22/08/2014. Hạn mức cho vay: 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.
 - Hợp đồng số 969.14.057.877888.TD ngày 26/09/2014. Hạn mức cho vay: 1.113.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy lu rung nhãn hiệu HAMM, model 3410 do Đức sản xuất, giá trị 1.590.000.000 đồng.
 - Hợp đồng số 982.14.057.877888.TD ngày 29/09/2014. Hạn mức cho vay: 616.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy xúc lật nhãn hiệu KOMATSU, model WA 270-3 do Nhật Bản sản xuất, giá trị 880.000.000 đồng.
 - Hợp đồng số 1015.14.057.877888.TD ngày 08/10/2014. Hạn mức cho vay: 1.330.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 lu rung 1 bánh sắt, 2 bánh lốp, 2 cầu chủ động nhãn hiệu SAKAI, model SV 620D do Nhật Bản sản xuất, giá trị 1.900.000.000 đồng.
- (9) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 45.15.0114/HDTD ngày 18/04/2015. Hạn mức cho vay 160.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án "Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía đông quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh" phần công việc được phân công của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1. Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày 04/02/2015. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Nguồn thu từ dự án "Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía đông quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh". Tổng giá trị tài sản đảm bảo 198.292.736.654 đồng.
- (10) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng tín dụng số 12215/360/TDTH ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện Gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án "Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, Tỉnh Cà Mau". Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/HĐYC ký ngày 03/03/2015 gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, Tỉnh Cà Mau giữa Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh với Liên danh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4.

Các khoản vay của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1

- (1) Khoản vay trung dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 3120_LAV-201401375 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm ngày 14/11/2014; Số gốc vay 719.000.000 đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe ô tô Toyota Fortuner 2.7V; Thời hạn vay 60 tháng; Trả gốc định kỳ 12 tháng/lần vào ngày giải ngân hàng năm; Mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1411/HĐTC ngày 17/11/2014.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.17 Dự phòng phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	607,853.636	1.446.267.160
- Dự phòng bảo hành công trình	607.853.636	1.446.267.160
Dài hạn	8.525.015.711	18.583.686.784
- Dự phòng bảo hành công trình	8.525.015.711	18.583.686.784
Tổng	9.132.869.347	20.029.953.944

... ..

...

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÀU B 09e-DN/11N

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
5.18 Vốn Chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn Chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2016	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	2.175.365.531	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137
Tăng trong kỳ	-	-	9.494.395.082	321.822.054	49.697.184.271	7.145.901.774	66.659.303.181
Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	49.697.184.271	7.145.901.774	56.843.086.045
Trích Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	9.494.395.082	321.822.054	-	-	9.816.217.136
Giảm trong kỳ	-	-	48.127.234	-	79.210.197.105	9.368.504.750	88.626.829.089
Trích Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	16.189.804.337	942.569.731	17.132.374.068
Giảm do Tổng Công ty thoái vốn	-	-	48.127.234	-	(48.127.234)	-	5.550.855.019
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	63.000.000.000	2.875.080.000	65.875.080.000
Giảm khác	-	-	-	-	68.520.002	-	68.520.002
Số dư tại 31/12/2016	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	2.497.187.585	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229
Số dư tại 01/01/2017	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	2.497.187.585	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229
Tăng trong kỳ	-	-	4.309.140.702	-	10.713.455.662	(1.734.434.899)	13.288.161.464
Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	5.998.642.548	(1.734.434.899)	4.264.207.649
Trích Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	4.309.140.702	-	-	-	4.309.140.702
Tăng khác	-	-	-	-	4.714.813.114	-	4.714.813.114
Giảm trong kỳ	-	-	5.073.576.169	2.497.187.585	41.463.711.053	44.769.140.166	93.803.614.974
Trích Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	6.463.711.053	-	6.463.711.053
Giảm do Tổng Công ty thoái vốn	-	-	5.073.576.169	2.497.187.585	-	44.769.140.166	52.339.903.921
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	700.000.000.000	100.519.210	21.928.887.793	-	12.341.151.632	5.898.506.085	740.269.064.720

(T) P. 2-2-2-101

100-10801-100

100-10801-100

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.18 Vốn Chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần An Hiến	17.213.552	24,59%	17.213.552	24,59%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	-	0,00%	6.990.000	9,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	11.767.694	16,81%	11.767.694	16,81%
Công ty Cổ phần Thương Mại nước giải khát Khánh An	13.447.700	19,21%	4.900.000	7,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	28,58%	20.003.534	28,58%
Cổ đông khác	7.567.520	10,81%	9.125.220	13,04%
Cộng	70.000.000	100%	70.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
+ Đô la (USD)	23.952,33	9.466,00
+ Yên Nhật (JPY)	1.897.306,00	35.866.374,00

Vertical line of text on the right edge of the page.

Fragment of text on the left edge of the page.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.01 Doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	984.726.135.035	1.461.328.878.719
Trong đó:		
- Doanh thu xây lắp	966.318.242.176	1.428.726.046.823
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.154.700.812	8.529.808.648
- Doanh thu khác	6.253.192.047	24.073.023.248
Cộng	984.726.135.035	1.461.328.878.719

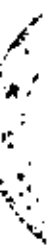
6.02 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	919.122.697.553	1.379.238.132.202
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.970.791.664	2.366.223.337
Giá vốn khác	2.618.836.608	20.005.605.085
Cộng	924.712.325.825	1.401.609.960.624

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.593.077.333	4.142.524.787
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.339.020.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.200.325.377	65.789.837.722
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.006.426	-
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	24.924.202	21.394.428.600
Cộng	14.180.353.338	91.326.791.109

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100



6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.04 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	22.039.812.942	23.248.411.571
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.411.753.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.875.991	381.849.069
Hoàn nhập chi phí hoạt động tài chính dự phòng	(17.248.209.000)	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	56.252.557	378.255.245
Cộng	5.054.732.490	25.420.269.552

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.843.572.463	46.119.325.555
Chi phí vật liệu quản lý	1.365.415.538	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	668.769.103	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.385.476.668	4.656.813.076
Chi phí dự phòng	2.157.551.534	-
Thuế phí và lệ phí	1.007.217.980	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	28.166.637.997	42.804.911.408
Cộng	61.594.641.283	93.581.050.039

6.06 Lợi nhuận khác

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Thu nhập khác	10.002.428.962	7.476.526.889
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.767.531.606	1.636.405.091
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	713.089.333
Thu nhập khác	5.528.126.596	5.127.032.465
Đánh giá lại tài sản đi góp vốn	2.706.770.760	-
Chi phí khác	7.631.500.420	8.101.355.000
Các khoản chậm nộp BHXH, chậm nộp thuế	4.773.913.566	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	628.077.126	2.576.654.364
Các khoản chi phí khác	2.229.509.728	5.524.700.636
Lợi nhuận/(lỗ) khác	2.370.928.542	(624.828.111)

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

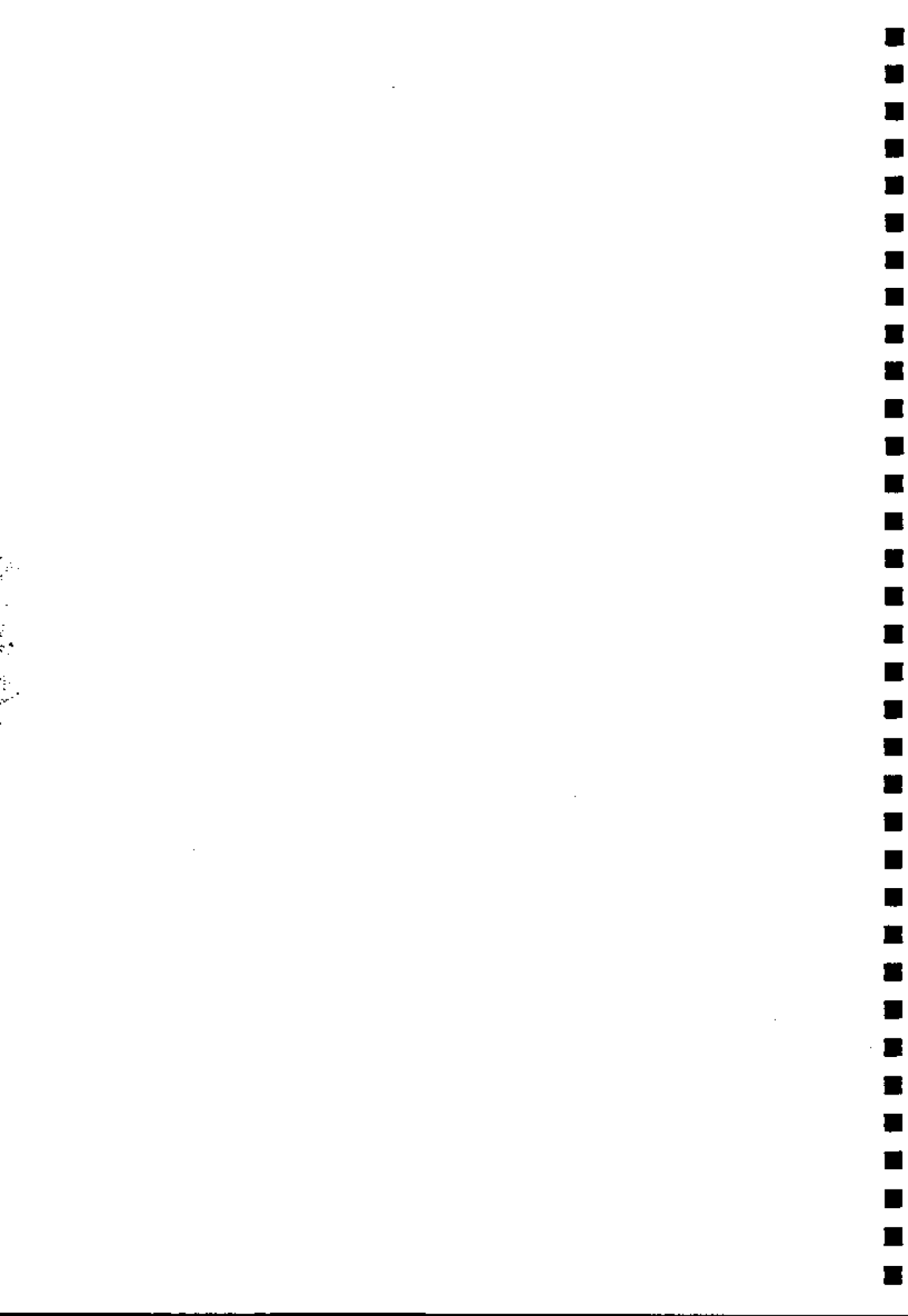
6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.925.736.307	567.243.243.661
Chi phí nhân công	92.686.466.242	165.415.121.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.244.496.194	19.765.711.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài và Chi phí bằng tiền khác	553.223.245.569	783.933.672.765
Cộng	867.079.944.312	1.536.357.749.379

6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	5.998.642.548	22.402.727.168
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (*)	-	(1.077.285.176)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.998.642.548	21.325.441.993
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	86	305

(*) Tổng Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 bằng 50% số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 đã được đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 đã được điều chỉnh lại (số trước điều chỉnh là 320 đồng/cổ phiếu).



7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.01 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng đơn vị có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ cả trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của các Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về giá hàng hoá nguyên liệu đầu vào

Do hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là chủ yếu nhưng lại thường xuyên biến động, giá vật liệu mua ngoài thị trường thường cao hơn giá định mức dự toán. Mặc dù có chính sách bù giá trong hoạt động xây dựng, tuy nhiên việc bù giá còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố do các văn bản Nhà nước quy định. Do vậy Tổng Công ty có thể sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá cả thị trường dẫn đến có công trình sẽ bị lỗ sau khi quyết toán.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Các nghiệp vụ giao dịch bằng ngoại tệ của Tổng Công ty phát sinh ít nên sẽ ít gặp rủi ro khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các cá nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 10%/Tổng Tài sản của Tổng Công ty. Do đó Tổng Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi công nợ để đánh giá mức rủi ro tín dụng có thể xảy ra để thời thực hiện trích lập dự phòng sao cho phù hợp.



Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ hoạt động. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	30/06/2017		
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	344.531.378.760	-	344.531.378.760
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.231.000.000	-	13.231.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.526.629.662.921	19.782.452.014	1.546.412.114.935
Phải thu về cho vay	259.000.000.000	-	259.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	431.154.090.419	431.154.090.419
Cộng Tài sản tài chính	2.143.392.041.681	450.936.542.433	2.594.328.584.114
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	333.452.827.339	81.021.400.710	414.474.228.049
Phải trả người bán và phải trả khác	1.784.090.798.104	17.585.143.126	1.801.675.941.230
Chi phí phải trả	120.435.674.529	-	120.435.674.529
Cộng Công nợ tài chính	2.237.979.299.972	98.606.543.836	2.336.585.843.808
Chênh lệch thanh khoản thuần	(94.587.258.291)	352.329.998.597	257.742.740.306

Theo đánh giá tổng thể, Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức lập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

7.02 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Tỷ lệ sở hữu vốn tại 30/06/2017	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần An Hòa	24,59%	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	16,81%	Cổ đông lớn
3	Công ty CP Thương Mại nước giải khát Khánh An	19,21%	Cổ đông lớn
4	Công ty TNHH Sản xuất TM Dịch vụ Yên Khánh	28,58%	Cổ đông lớn
5	Các cổ đông khác	10,81%	Cổ đông khác

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.526.101.875	7.627.385.126
Công ty Cổ phần Cầu 12	17.773.046.956	327.272.727
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	7.300.112.399
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	4.962.190.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	48.360.592.563	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	30.322.879.840	-
Công ty TNHH Cung ứng Lao động Quốc tế và Dịch vụ INMASCO	107.392.516	-
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp	13.577.294.384	20.535.930.132
Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	10.140.419.059	534.120.818
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	40.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	19.816.297.496
Công ty Cổ phần Cầu 12	(2.245.156.831)	-
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	1.921.517.156	-
Cty Cổ phần đầu tư xây dựng - Cienco 1 (CIC)	3.760.515.000	-
Góp vốn đầu tư	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	-	3.000.000.000
Chi trả cổ tức	28.274.316.500	33.693.668.800
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	10.001.767.000	16.002.827.200
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	13.770.841.600
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	6.723.850.000	3.920.000.000
Công ty Cổ phần An Hòa	8.606.776.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	2.941.923.500	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.968.666.253	2.007.375.000

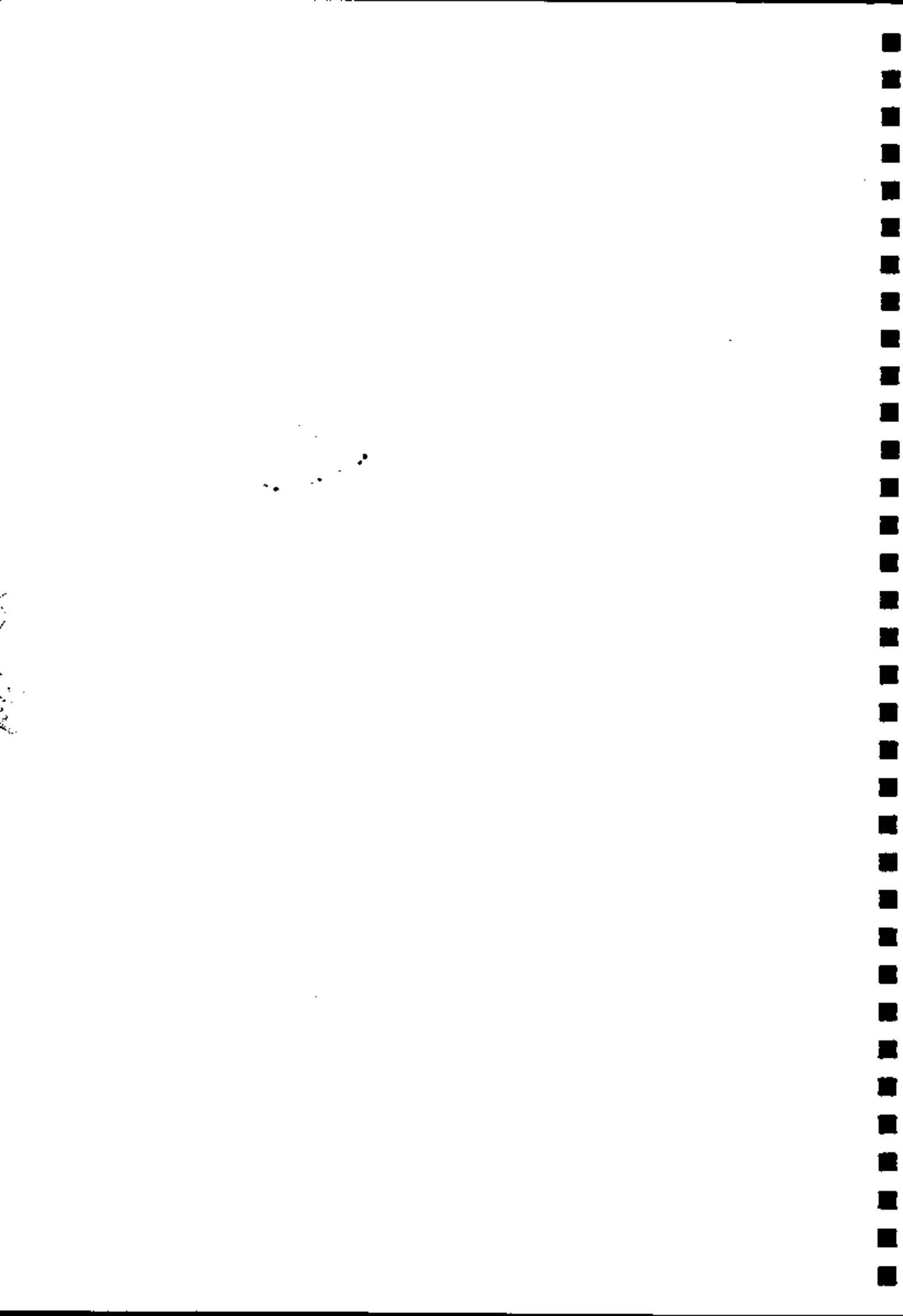


7.02 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	90.652.264.328	44.803.033.558
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	41.500.297.436	29.984.047.464
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	12.078.723.448	12.078.723.448
Công ty CP Xi măng Mai Sơn	2.298.896.555	2.298.896.555
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	5.608.408.091	441.366.091
Công ty CP Cầu 12 - Cienco I	11.961.222.500	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	17.204.716.298	-
Các khoản người mua trả tiền trước	-	20.086.700.512
Công ty CP Cầu 12 - Cienco I	-	4.560.242.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	-	15.526.458.512
Các khoản phải trả người bán	19.138.205.131	28.955.620.262
Công ty CP Cầu 12 - Cienco I	6.150.919.191	13.087.444.715
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco I	10.619.739.434	6.859.224.434
Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng 121 - Cienco I	2.367.546.506	9.008.951.113
Trả trước người bán	115.365.307.822	15.164.757.184
Công ty CP TV Đầu tư và XD Việt Nam	833.905.877	2.655.065.494
Công ty CP Xi măng Mai Sơn	12.509.691.690	12.509.691.690
Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng 121 - Cienco I	15.153.599.616	-
Công ty TNHH Cung ứng Lao động Quốc tế và Dịch vụ INMASCO	8.748.177.299	-
Công ty CP cầu 12 - Cienco I	78.119.933.340	-

(*) Liên quan đến việc trình bày các số dư và các giao dịch với các bên liên quan tại Tổng Công ty, Tổng Công ty đang trình bày một số số dư và giao dịch chủ yếu của một số đơn vị có liên quan với Tổng Công ty. Việc công bố mọi thông tin và lợi ích đối với các bên liên quan của Tổng công ty sẽ thuộc trách nhiệm của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Điều 159 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.



7.03 Số liệu so sánh

Số dư tại ngày 01/01/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UIJY ACA, Báo cáo kiểm toán độc lập số 268/2017/UHY/ACA-BCKT phát hành ngày 12/04/2017 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc Kiểm toán viên không thể thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết đối với Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của các công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung



Giám đốc

Đinh Văn Thanh

